

BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG NHẬT BẢN

Nguyễn Thị Châu

Viện Ngoại ngữ, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

Tóm tắt. Bảo tồn văn hóa truyền thống và bảo tồn những tài sản văn hóa phi vật thể của nhân loại là vấn đề đang được hầu hết mọi quốc gia trên thế giới quan tâm. Nhật Bản là một trong những đất nước mặc dù có nền kinh tế phát triển nhưng vẫn bảo tồn gần như nguyên vẹn nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc trong đó có lễ hội. Bài viết tìm hiểu về thực trạng bảo tồn lễ hội hiện nay ở Nhật Bản thông qua phân tích một số ví dụ như lễ hội Obon, Gion, Daimokute, lễ hội lửa... đồng thời chỉ ra những vấn đề còn tồn đọng trong bảo tồn lễ hội như: tác động của sự phát triển kinh tế đến sự thay đổi lễ hội, vấn đề thiếu thể hệ kế thừa, kinh phí cho bảo tồn và tổ chức lễ hội. Bên cạnh đó tác giả cũng chỉ ra những chính sách mà Nhật Bản đã áp dụng để bảo tồn lễ hội truyền thống như: ban hành chính sách liên quan, chi viện ngân sách, cung cấp các phương pháp bảo tồn, tăng cường quảng bá lễ hội... từ đó đề xuất một số gợi ý cho Việt Nam đối với lĩnh vực này.

Từ khóa: lễ hội truyền thống, chính sách bảo tồn, lễ hội Gion, nghi lễ.

1. Mở đầu

Nhật Bản là một trong những đất nước nổi tiếng về vấn đề duy trì và phát triển lễ hội truyền thống. Tại đây lễ hội vừa là hoạt động mang tính chất tín ngưỡng vừa có tính cộng đồng trong sinh hoạt văn hóa tinh thần của người dân, đồng thời thể hiện rõ mối quan hệ hài hòa giữa con người với tự nhiên. Do đó, nghiên cứu về lễ hội truyền thống cũng như bảo tồn, phát triển lễ hội trong xã hội đương đại là mảng đề tài được các học giả Nhật Bản quan tâm, tiêu biểu như: Chiho Ochiai và Masami Kobayashi (2009) với *Khảo sát liên quan đến “năng lực vùng” từ góc nhìn lễ hội truyền thống: trường hợp lễ hội Tanabe quận Egawa, tỉnh Wakayama* (伝統的な祭りにみる“地域力”に関する考察和歌山県田辺市における田辺祭を事例として) đã làm rõ được tính cố kết cộng đồng của mọi tầng lớp trong xã hội thông qua việc chuẩn bị, tổ chức lễ hội truyền thống của vùng [1]. Yabe Shingo (2012) ở *Biến đổi nghi lễ và các điều kiện xã hội: Nghiên cứu về sự thay đổi trong những năm 60-61 của lễ hội Hadaka đền Mitsuke* (祭りの変化と社会状況-見付天神裸祭における1960 - 61 年の変化を事例として) đã xem xét đến những thay đổi trong lễ hội khóa thân Hadaka ở đền Mitsuke tỉnh Shizuoka và sự phát triển thần kỳ của kinh tế Nhật Bản những năm đầu thập niên 60 đã tác động thế nào đến lễ hội cộng đồng tại địa phương [2]. Watanabe Yoko (2013) trong *Kế thừa không gian văn hóa truyền thống trong lễ hội* (祭りという文化伝承・継承空間) đã tìm hiểu về vấn đề học tập suốt đời, ý nghĩa giáo dục của “truyền thống” và “sự kế thừa văn hóa” từ góc nhìn “lễ hội” [3]. Tamura Kazuki và các cộng sự (2014) với *Vai trò của lễ hội trong chấn hưng đô thị: Những nỗ lực và kết quả của Kitakyushu* (都市振興における祭りの役割：北九州の取り組みと課) phân tích mối quan

Ngày nhận bài: 4/1/2022. Ngày sửa bài: 9/1/2022. Ngày nhận đăng: 2/2/2022.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Châu. Địa chỉ e-mail: chau.nguyenthi@hust.edu.vn

hệ qua lại giữa lễ hội và phát triển đô thị, tác động của kinh tế đối với sự thay đổi ở lễ hội, đề xuất một số giải pháp để “phát triển lễ hội bền vững” trong phát triển đô thị [4]. Atsuhiko Hirota, Yoshimichi Tsuboi (2015), *Nghiên cứu về hình ảnh và món ngon của lễ hội* (祭りのイメージと嗜好性にする研究) qua phân tích lễ hội Tuyết vùng Sapporo thấy rằng: nữ giới có thị hiếu, xu hướng tham gia lễ hội cao hơn nam giới [5]. Nishio Misaki, Sugiyama Takahiro (2016) ở *Nghiên cứu các phương pháp ghi chép để lưu trữ sự biến đổi: thông tin cần thiết cho bảo tồn và kế thừa “lễ hội”- tài sản văn hóa dân gian phi vật thể* (無形民俗文化財 “祭”の保存と継承に必要な情報とその変遷をアーカイブ化するための記述方法の検討) đã chỉ ra rằng những năm gần đây việc số hóa tài liệu và thông tin của các lễ hội truyền thống đã có nhiều tiến bộ trong lưu giữ, góp phần không nhỏ trong việc bảo tồn lễ hội cũng như di sản văn hóa truyền thống ở Nhật Bản [6]. Kurada Kenta, Inada Michihiko (2016), *Khảo sát tế lễ ở đền hiện nay qua chính lý nghiên cứu lễ hội ở Nhật Bản: Trường hợp thị trấn Utazu, huyện Ayauta, tỉnh Kagawa* (日本における祭り研究の整理を通じた現代の神社祭礼の考察 : 香川県綾歌郡宇多津町の事例) đã phân tích quan điểm về lễ hội từ Yanagita Kunio cho đến các học giả đương đại, cho thấy sự kế thừa và mở rộng của “lễ hội” về mặt khái niệm [7].

Ở Việt Nam đây cũng là chủ đề được nhiều học giả quan tâm, chia làm hai nhóm chính: công trình giới thiệu chung và các công trình nghiên cứu trường hợp. Nhóm công trình nghiên cứu chung giới thiệu khái lược nhất về lễ hội truyền thống của Nhật Bản gồm: *Lễ hội cổ truyền của Nhật Bản* của tác giả Hồ Hoàng Hoa (1992), Trần Mạnh Cát (1997) với *Vài nét về lễ hội ở Nhật Bản*, Hồng Lê Thọ (2002) là *Tìm hiểu văn hóa lễ hội của người Nhật Bản một hình thái độc đáo để giữ gìn bản sắc*. Nhóm công trình nghiên cứu trường hợp: Ngô Hương Lan (2017, 2019) với *Về tính cộng đồng trong lễ hội truyền thống ở Nhật Bản và Việt Nam (trường hợp lễ hội Gion và lễ hội Hoa Lư)*; *Bảo tồn lễ hội truyền thống ở Nhật Bản trường hợp lễ hội Gion và Onashira...* qua nghiên cứu so sánh một số lễ hội truyền thống Nhật Bản như: Gion và Onashira với lễ hội Hoa Lư ở Việt Nam, tìm hiểu về cách thức bảo tồn lễ hội truyền thống của Nhật Bản trên cơ sở đó đề xuất một số gợi ý cho Việt Nam. Tuy nhiên vẫn còn thiếu vắng bức tranh tổng quát về bảo tồn, phát triển lễ hội truyền thống trong xã hội đương đại Nhật Bản, do đó bài viết tập trung tìm hiểu về vấn đề trên, đề xuất gợi mở cho Việt Nam trong bảo tồn, phát triển lễ hội.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng bảo tồn lễ hội truyền thống ở Nhật Bản

Người ta tin rằng lễ hội ở Nhật Bản bắt đầu từ thần thoại “Amano Iwato /天の岩戸” được ghi trong *Kojiki* (Cổ sự kí/古事記). Vị thần bão tố *Susano* (須佐之男) của Nhật Bản, đã đẩy em gái mình là nữ thần mặt trời *Amaterasu* (天照) vào hang động nên khắp nơi bị thiếu ánh sáng. Để đưa nữ thần mặt trời ra khỏi hang, các vị thần đã tổ chức một bữa tiệc bên ngoài và nữ thần *Ameno Uzume* (天宇受売命), nữ thần bình minh, hoan lạc và nghệ thuật, vợ của *Sarutahiko Ōkami* (猿田毘古大神) vị thần bảo trợ cho đất và sức mạnh, biểu diễn một vũ điệu dâm dục, gây ra tiếng cười. *Amaterasu* vô cùng tò mò về trò giải trí, nằng bị cuốn hút bởi chính hình ảnh của mình phản chiếu trong chiếc gương *Yata no Kagami* (八咫鏡), sau đó cửa hang mở ra một lần nữa thế giới được tắm mình trong ánh sáng mặt trời [13; tr 26].

Lễ hội trong tiếng Nhật được gọi là *Matsuri* (祭り), nó xuất phát từ động *matsuru* (祀る), có nghĩa là “phục vụ, chăm sóc hoặc giải trí” [14] và đối tượng được hưởng hành động này là các *Kami* (神/thần). Các *Kami* được mời đến với tư cách là khách mời của lễ hội, họ được hưởng sự phục vụ và giải trí mà con người dâng lên thông qua nghi lễ/nghi thức và trò chơi giải trí. Họ trở thành những vị thần hộ mệnh bảo vệ cho sức khỏe, hạnh phúc của con người

[15], theo nghĩa này *matsuri* xuất hiện như một nghi lễ tôn giáo [16; tr.3-22]. Những nghi lễ này thường được diễn ra một cách nghiêm túc vào một thời gian và thời điểm cụ thể. Các vị thần được chào đón, phục vụ và được đưa tiễn về thế giới của họ bởi con người và những người tham gia lễ hội sẽ được hưởng đặc ân, gặp may mắn do các vị thần ban phước lành [17; tr. 67-70].

Nghiên cứu của Inoue Nobutaka cùng các cộng sự (1988), Matsudaira (1997), Toshikazu Shinou (2001), Kurada Kenta, Inada Michihiko (2016), Yujie Shen (2020) cho thấy: lễ hội truyền thống ở Nhật Bản thường mang hai phần rõ ràng đó là *phần lễ* (*Saigi*/祭儀) và *phần hội* (*Tsukemasuri* /付け祭り). Trong đó phần lễ được xem là trung tâm của lễ hội, ở buổi đầu sơ khai các nghi thức được tổ chức rất khắt khe nhưng càng về sau lễ hội có xu hướng trở thành những màn trình diễn nghệ thuật của hiện thực đời sống. Các thầy tu Thần đạo hoặc vị đứng đầu cộng đồng sẽ là người tiến hành các nghi thức tại đền thờ Thần Đạo, họ sẽ đọc *Norito* (祝詞, bài kinh cầu nguyện), là lời cảm ơn của con người gửi đến thần linh, sau đó mọi người cùng tham gia buổi tiệc thánh *Naorai* (直会). Về *phần hội*, nếu lễ là phần đạo thuộc về thế giới tâm linh thì phần hội thuộc về đời sống, do đó phần hội thường được kéo dài, sôi động hơn bởi sự tham gia vào của người dân địa phương và du khách. Phần hội thường được tổ chức bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, đó là tiếng trống Taiko, biểu diễn trang phục hay các điệu múa và đám rước. Trong xã hội hiện đại phần hội được coi trọng hơn phần lễ và thu hút người xem bởi lễ rước kiệu *Mikoshi* ((神輿)) hay *Dashi* (山車), phương tiện để rước thần hay tiễn thần.

Về phân loại lễ hội ở Nhật Bản, nghiên cứu của Matsudaira Matoko (2001), Hoshino Hiroshi và các cộng sự (2006), Oosumi Kazushi (2014) cho rằng: lễ hội truyền thống của Nhật Bản khá phức tạp, tùy theo mục đích nghiên cứu mà tiêu chí, định hướng phân loại có những cách chia khác nhưng đều dựa theo ba tiêu chí chính: (1). Thể hiện sự thành kính biết ơn đối với thần linh và tổ tiên. (2). Thể hiện nét đặc trưng của địa phương thông qua các hình thức nghi lễ, nghi thức tập tục truyền thống, tái hiện lại cảnh sinh hoạt, các sự kiện đã xảy ra trong lịch sử, cũng như cách suy nghĩ về thế giới quan của người xưa. (3). Mang đến cho cộng đồng và du khách một loại hình giải trí văn hóa lành mạnh đáp ứng như câu vui chơi của cuộc sống. Do đó, lễ hội truyền thống của Nhật thường được phân thành ba loại chính: *lễ hội nghề nghiệp* (gồm lễ hội nông nghiệp và lễ hội ngư nghiệp); *lễ hội tôn giáo* và *lễ hội lịch sử*. Hay tiếp cận từ tính chất và nội dung sáng tạo có thể chia thành: *lễ hội chiếu sáng* (bao gồm các lễ hội liên quan đến đêm tối, lửa và sao); *lễ hội tái hiện các sự kiện lịch sử*, *lễ hội mùa*, *lễ hội tôn giáo*, *lễ hội nông nghiệp*. Hoặc dựa theo chu kỳ thiên nhiên được chia thành *lễ hội mùa xuân*, *lễ hội mùa hè*, *lễ hội mùa thu*, *lễ hội mùa đông*. Dựa trên nghi thức Thần Đạo chia thành *Taisai* (大祭: lễ hội lớn), *Chusai* (中祭: lễ hội trung) và *Shousai* (小祭: lễ hội nhỏ).

Hiện nay theo như điều tra của *Bộ Đất đai, Hạ tầng, Giao thông và Du lịch Nhật Bản* (viết tắt MLIT) ở Nhật Bản có khoảng trên 300.000 lễ hội được tổ chức hàng năm [24; tr.2], trong đó phải kể đến một số lễ hội tiêu biểu như *Oshogatsu* (lễ tết), là ngày lễ lớn nhất, diễn ra từ ngày 1 đến ngày 3. Vào ngày này, mọi gia đình đều dọn dẹp sạch sẽ, chuẩn bị đồ dùng và trang trí nhà cửa đón năm mới như đặt cây thông *Kadomatsu* hoặc treo dây *Shimekazari* trước cửa nhà. Ngoài ra, dịp tết năm mới người Nhật còn đi chùa cầu may, ăn món ăn truyền thống và lì xì cho trẻ cũng như tham gia vào các trò chơi dân gian.

Một trong những lễ hội truyền thống lớn khác đó là lễ hội *Gion*, được tổ chức vào trung tuần tháng 7 hàng năm ở đền Yasaka, Kyoto, với ý nghĩa cầu sức khỏe và xua tan bệnh dịch, người dân đã tổ chức những buổi lễ tế để giữ cho tinh thần vượt qua sầu muộn, sự sợ hãi và luôn được thoải mái, thanh tịnh. Hoạt động độc đáo nhất của lễ hội chính là lễ diễu hành *Yamahoko Yunko* qua các đường phố của Kyoto. Trong đoàn diễu hành, hệ thống kiệu lớn được gọi là *Hoko*, và kiệu nhỏ được gọi là *Yama*. Kiệu *Hoko* là loại kiệu lớn nặng hàng chục tấn, có bánh xe phải dựng và trang trí trong nhiều ngày mới xong, kiệu *Yama* là loại kiệu nhỏ cũng được dựng

trong lễ tuần hành chính của lễ hội Gion. Lễ tuần hành kiệu *Hokoyama* nổi tiếng khắp Nhật Bản thu hút nhiều du khách và lễ rước kết thúc tại Shinmachi Goike, các kiệu được trả về tuyến phố *Hokoyama* nơi làm công tác bảo tồn trong suốt hơn 500 năm qua, ngày 29/7 người dân Kyoto làm lễ tế thần và kết thúc lễ hội [12; tr. 51-52].

Lễ hội *Gion* diễn ra đúng vào dịp lễ *Obon* là dịp mà người con dù đi xa ở đâu cũng trở về nhà, ngày xá tội vong nhân. Lễ hội *Obon* thường được tổ chức ở hai nơi là gia đình và trong cộng đồng. Lễ *Obon* trong các gia đình mang tính chất thờ cúng tổ tiên nhiều hơn là lễ xá tội vong nhân như tổ chức ngoài cộng đồng: “Linh hồn được cúng tế trong lễ *Obon* trước hết là tổ tiên, nhất là linh hồn những người mới khuất và những hồn ma không có người thân chăm sóc” [25; tr.16-17]. Tuy nhiên, ở mỗi địa phương, cách thức tổ chức và nghi lễ khác nhau, về cơ bản lễ *Obon* cũng mang ý nghĩa như lễ năm mới, là mời thần, Phật, tổ tiên về nhà; là dịp chủ nhân tiến hành các nghi thức cúng tế và thết đãi của vị thần cùng vong linh tổ tiên, cô hồn.v.v..., những món ăn ngon theo truyền thống với thái độ tôn kính và thân tình. Đặc biệt tại lễ hội *Obon*, một nghi thức quan trọng khi kết thúc lễ hội: lễ tiễn hồn. Người ta đốt lửa tiễn trước cổng nhà, thả đồ cúng, đèn lồng xuống sông, biển. Họ tin rằng, các linh hồn sẽ theo ánh sáng của các đèn lồng tìm về miền cực lạc, hoặc trở về đỉnh núi thiêng, nơi linh hồn thường trú ngụ [26; tr.37-38].

Ngoài lễ hội *Gion* còn không ít lễ hội truyền thống khác của Nhật Bản đã được vinh danh là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại và được bảo tồn gần như nguyên vẹn đến ngày nay. Mọi nghi thức /nghi lễ, địa điểm, thời gian, các trò diễn trong lễ hội đều được bảo tồn hàng trăm năm qua kể từ khi lần đầu tiên nó được tổ chức. Đó là lễ hội *Daimokutate*, diễn ra hàng năm tại đền Yahashira tỉnh Nara. *Daimokute* là một lễ hội quan trọng thể hiện bản sắc và ghi lại những sự kiện lịch sử quan trọng của vùng. Lễ hội này chính thức trở thành di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại vào năm 2009 và việc bảo tồn chính thức được thực thi dưới sự quản lý của Ủy ban bảo vệ tài sản văn hóa (Agency for Cultural Affairs) [27]. Hay như lễ hội *Dainichido Bugaku*, một sinh hoạt văn hóa đầu thế kỷ thứ VIII hiện chỉ còn thực hành ở vài ngôi làng Nhật. Đây là một hình thức nghi lễ kết hợp giữa những điệu nhảy theo nghi thức và âm nhạc hoàng gia và nghi lễ này còn gọi là nghi lễ tẩy uế ở các gian điện thờ. Việc thực hiện các nghi lễ này phản ánh đặc điểm của từng địa phương Asato, Azukisawa, Nagamine và Taniuchi thông qua các câu chuyện kể. Vào ngày 2 tháng 1 hàng năm, người dân địa phương tiến hành nghi lễ tại các đền thờ. Họ tiến hành thực hiện chín điệu múa thiêng, từ sáng sớm đến trưa, như một lời cầu nguyện năm mới hạnh phúc. Một số người đeo mặt nạ (theo các nhân vật tưởng tượng trong thần thoại). Mặc dù trong lịch sử, *Dainichido Bugaku* đã bị gián đoạn trong gần sáu thập kỷ, từ cuối thế kỷ XVII, nhưng ngày nay đã được khôi phục, bảo tồn và trở thành một biểu tượng văn hóa phi vật thể của nhân loại, được Unesco công nhận vào năm 2009 [28]. Lễ hội lửa *Nachi Natsu no Dengaku*, được tổ chức vào tháng 7 hàng năm tại Kumano Sanzan một địa điểm linh thiêng ở Nachisanku, tỉnh Wakayama và là lễ hội linh thiêng và lâu đời nhất ở Nhật Bản. Trong lễ hội ngày nghi lễ rước lửa và những điệu múa được bảo tồn từ thế hệ này sang thế hệ khác. Người ta cầu cho một mùa gặt bội thu, những nghi thức ấy được biểu diễn thông qua 22 tiết mục và màn trình diễn *Nachi no Dengaku*. Hiện nay, các điệu nhảy này được bảo tồn bởi Hiệp hội bảo tồn *Nachi Dengaku* và chính người dân địa phương, lễ hội này được tôn vinh di sản văn hóa phi vật thể của thế giới vào ngày 6/12/2012 [29].

Những lễ hội truyền thống của Nhật Bản bên cạnh việc bảo tồn gần như nguyên vẹn trong các nghi thức, nghi lễ, điệu nhảy, các đồ đồ vật dùng trong tế lễ..., tuy nhiên trong quá trình bảo tồn có một số vấn đề được đặt ra, nghiên cứu Matsudaira Matoko (2001); Chiho Ochiai, Masami Kobayashi (2009); Yabe Shingo (2012); Tamura Kazuki và các cộng sự (2014); Atsuhiko Hirota, Yoshimichi Tsuboi (2015); Yujie Shen (2020) cho thấy:

Thứ nhất, quá trình đô thị hóa và sự phát triển của kinh tế - xã hội đã tác động không ít đến lễ hội, có xu hướng biến các lễ hội truyền thống thành các sự kiện hướng đến du lịch. Theo đó mặc dù các nhà tổ chức lễ hội và người dân địa phương là những người đóng vai trò chính nhưng cũng không thể phủ nhận được sức ảnh hưởng của du khách trong và ngoài nước. Sự kế thừa văn hóa truyền thống phụ thuộc vào cộng đồng ban đầu của nó là cư dân địa phương nhưng hiện nay do dân số giảm và vấn đề già hóa dân số nên đã chuyển trọng tâm là quyền sở hữu lễ hội sang khách du lịch vì chúng góp phần làm phục hồi kinh tế và phát triển khu vực. Do đó, các nhà tổ chức lễ hội có xu hướng điều chỉnh lễ hội theo thị hiếu của khách du lịch nên đôi khi điều này dẫn đến thay đổi hoặc mất đi ý nghĩa ban đầu của lễ hội truyền thống. Tuy nhiên để phát triển bền vững và đảm bảo hài hòa, giữa bảo tồn lễ hội và phát triển kinh tế đòi hỏi phải cân bằng lợi ích giữa các bên liên quan [20].

Thứ hai, đó là vấn đề thiếu hụt về lớp người kế cận, những người hiểu biết về nghi lễ, cách thức để duy trì, bảo tồn và tổ chức lễ hội. Việc trao truyền lại những tri thức mà thế hệ ông cha tích lũy được gặp khó khăn do thế hệ trẻ ít quan tâm đến những giá trị văn hóa và tín ngưỡng của địa phương. Vì vậy, việc tìm người kế cận trong duy trì, bảo tồn, tổ chức lễ hội truyền thống cũng là vấn đề đặt ra hiện nay cho Nhật Bản [19].

Thứ ba, vấn đề kinh phí cho tổ chức, bảo tồn lễ hội truyền thống. Hàng năm ngoài khoản ngân sách do Chính phủ Nhật Bản cung cấp và nguồn kinh phí có được từ sự đóng góp và ủng hộ của cư dân địa phương cũng như các công ty đang hoạt động trên địa bàn...thường sẽ không còn các nguồn kinh phí khác. Nguồn kinh phí này khó đảm bảo tất cả cho chi phí tổ chức, bảo tồn, bảo vệ cổ vật, đồ vật phục vụ cho lễ hội, chi phí cho việc lưu trữ thông tin liên quan đến lễ hội [3].

2.2. Chính sách, phương pháp bảo tồn lễ hội truyền thống của Nhật Bản

Thứ nhất, Nhật Bản ban hành chính sách liên quan đến bảo tồn lễ hội: lễ hội được xếp vào nhóm tài sản văn hóa phi vật thể, là thuộc tính của văn hóa dân gian nên từ ngay từ thời kỳ Minh Trị đã sớm ban hành các thông báo về bảo tồn cổ vật và thư vật cổ. “Thông báo (bố cáo) về phương pháp bảo tồn cổ vật”, “Thông báo về bảo tồn thư tịch cổ, nhạc cụ lễ hội và cổ vật” (31 cổ vật) sớm nhất ra đời ngày 23/05/1872 (năm Minh Trị thứ 4). Đặc biệt có dấu mốc rất quan trọng, đó là vào năm 1950, *Luật bảo tồn di sản văn hóa* ra đời ở Nhật Bản, giúp chính phủ và người dân nhận thức rõ hơn tầm quan trọng của các tài sản văn hóa do tổ tiên truyền lại, nhiều di sản văn hóa cũng như tài sản văn hóa được chú trọng và bảo tồn, trong đó bao gồm cả *lễ hội truyền thống*. Điển hình là ở lễ hội Gion, dấu mốc quan trọng là năm 1952, sau 80 năm gián đoạn, 28 cỗ kiệu yama-hoko đã được phục chế, đưa vào tuần hành trong lễ rước kiệu, sau đó lần lượt được phục chế vào những năm tiếp theo: 1953, 1959, 1962, 1966, 1968, 1979, 1981, 1988, 2014 những cỗ kiệu cuối cùng được phục chế và đi vào hoạt động trong lễ hội Gion, nâng tổng số các cỗ kiệu lên 33 cỗ kiệu [30; tr. 97-98].

Thứ hai, chi viện ngân sách: Hàng năm để bảo tồn văn hóa nghệ thuật truyền thống trong đó có lễ hội, Chính phủ Nhật Bản đã chi một khoản ngân sách tương đối lớn cho việc phục hồi lễ hội truyền thống, hỗ trợ đối với việc phục hồi phục chế di sản, hỗ trợ cao nhất cả về kinh phí lẫn kỹ thuật, điều kiện thúc đẩy giao lưu văn hóa nghệ thuật, tăng sức mạnh quảng bá hình ảnh văn hóa đất nước qua lễ hội ...vv. Ngoài nguồn ngân sách từ chính phủ được hỗ trợ theo *Luật bảo tồn di sản văn hóa* và hàng năm tại địa phương nơi có lễ hội truyền thống được vinh danh là di sản văn hóa của nhân loại như: lễ hội *Gion* tại Kyoto, lễ hội *Daimokutate* đền Yahashira tỉnh Nara hay lễ hội *lửa Nachi Natsu no dengaku* tỉnh Wakayama..., đều dành một phần ngân sách địa phương cho việc bảo tồn lễ hội. Thậm chí sẽ là thiếu sót nếu không kể đến sự đóng góp tài chính của các cá nhân và tổ chức xã hội, doanh nghiệp trên địa bàn nơi diễn ra lễ hội. Tất cả đều chung tay góp sức đồng lòng để bảo lưu truyền thống, gìn giữ và bảo tồn lễ hội, tài sản văn hóa của địa phương.

Thứ ba, cung cấp một số phương pháp bảo tồn: theo Ủy ban bảo vệ tài sản văn hóa để bảo tồn nguyên vẹn được lễ hội truyền thống cần tăng cường khảo sát, lập hồ sơ tiến hành bảo tồn. Bởi vì lễ hội truyền thống hay các trò chơi giải trí dân gian là những thứ có thể thay đổi hay mai một dưới tác động của thời đại, do đó cần tìm hiểu rõ, đầy đủ các đặc điểm trước khi tiến hành bảo tồn. Ngoài ra cần đảm bảo và tăng cường đào tạo lớp người kế cận, những người có hiểu biết và có thể tổ chức cũng như thực hành nghi lễ ở lễ hội, tạo điều kiện tối ưu nhất cho việc truyền tải và phổ biến quảng bá thông tin. Tăng cường các cơ sở để kế thừa và phát triển lễ hội, đặc biệt trong thời gian tới cần tập trung bằng nhiều các chính sách mềm dẻo linh hoạt cho phù hợp với tình hình thực tế [31]

Thứ tư, tăng cường quảng bá hình ảnh đất nước văn hóa, ẩm thực, con người thông qua lễ hội. Tuyên truyền việc bảo tồn lễ hội đến tận từng người dân, giúp họ hiểu rõ đây là trách nhiệm đồng thời là nghĩa vụ của mỗi cá nhân, biết trân quý giá trị văn hóa truyền thống, từ đó giúp quảng bá hình ảnh địa phương ra tới các cộng đồng khác, thúc đẩy phát triển kinh tế.

2.3. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Thứ nhất: để bảo tồn và phát triển lễ hội truyền thống, giống như Nhật Bản trước hết chúng ta cần xây dựng kế hoạch, chính sách, học tập kinh nghiệm “phối hợp hành động công- tư” giữa người dân chủ thể văn hóa truyền thống với các tổ chức đoàn thể xã hội đại diện cho lợi ích và trách nhiệm của người dân và sự hỗ trợ hết sức cần thiết của chính phủ [15; tr 58].

Thứ hai, trong quá trình bảo tồn và khai thác các giá trị di sản văn hóa trong đó có lễ hội cần đầu tư một cách có chiều sâu, đồng bộ thống nhất từ trên xuống dưới. Tuy nhiên, trong quá trình khôi phục lại tránh để biến tướng, biến lễ hội trở thành một mục tiêu kinh doanh đi theo một hướng khác.

Thứ ba: Học tập Nhật Bản, chúng ta cần xây dựng chương trình truyền thông đa dạng nhằm tập trung tuyên truyền, giới thiệu, phổ biến, quảng bá nâng cao nhận thức, năng lực, trách nhiệm của cộng đồng và toàn xã hội đối với bảo vệ và phát huy giá trị di sản lễ hội nâng cao nhận thức và giáo dục các giá trị văn hóa truyền thống cho mọi tầng lớp nhân dân.

Thứ tư: Hiện nay nguồn ngân sách cho việc bảo tồn di sản văn hóa trong đó có lễ hội chưa đủ đáp ứng nhu cầu thực tế vì vậy, chúng ta cần tăng cường nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước đi đôi với nguồn lực xã hội hóa để bảo vệ và phát huy di sản trong đó có lễ hội truyền thống.

3. Kết luận

Như vậy, có thể thấy Nhật Bản một đất nước với nền văn hóa đa dạng giàu màu sắc, người Nhật Bản không chỉ tiếp thu cái mới mà còn chú trọng bảo tồn nền văn hóa truyền thống của dân tộc trong đó có lễ hội, đặc biệt ở điều kiện hiện nay có quá nhiều nhân tố ảnh hưởng đến sự thay đổi của lễ hội. Đó là sự thay đổi của điều kiện xã hội cũng như lối sống, quá trình đô thị hóa, thay đổi trong thị hiếu văn hóa của người dân, già hóa dân số..., nên việc bảo tồn các tài sản văn hóa dân gian phi vật thể trong các tổ chức truyền thống và hệ thống văn hóa dân gian ngày càng trở nên khó khăn. Nhật Bản đã nhận thức rất rõ điều này chính vì thế cần phải trân trọng, gìn giữ, bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa đặc sắc của lễ hội là trách nhiệm, nghĩa vụ không chỉ của chính phủ mà còn là của mỗi người dân Nhật Bản. Do đó, bằng những chính sách, giải pháp kịp thời cũng như sự đồng thuận của người dân, Nhật Bản đã bảo tồn rất tốt các lễ hội, những tài sản văn hóa phi vật thể của nhân loại, do biết đặt yếu tố con người lên hàng đầu trong công việc gìn giữ và kế thừa những giá trị văn hóa truyền thống. Người ta thường nói “truyền lửa hơn là giữ lửa”, thế nhưng, để truyền được lửa và giữ lửa, trước hết con người phải là trung tâm. Thực tế đã chứng minh rất rõ, những biện pháp được Chính phủ Nhật thực thi đã tác động một cách tích cực, thúc đẩy việc bồi dưỡng thế hệ tiếp theo nhận thức rõ cũng như có hành động cụ thể về việc kế thừa và bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống, bao gồm cả lễ hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Chiho Ochiai và Masami Kobayashi, 2009. “Khảo sát liên quan đến “năng lực vùng” từ góc nhìn lễ hội truyền thống: trường hợp lễ hội Tanabe quận Egawa, tỉnh Wakayama”, *Hiệp hội quy hoạch thành phố Nhật Bản, Tuyển tập báo cáo quy hoạch đô thị*, Số 8, p. 80-83 (落合知帆・小林正美, 2009年. “伝統的な祭りにみる“地域力”に関する考察和歌山県田辺市における田辺祭を事例として”, 日本都市計画学会-都市計画報告集, No 8, pp. 80-83).
- [2] Yabe Shingo, 2012. “Biến đổi nghi lễ và các điều kiện xã hội: Nghiên cứu về sự thay đổi trong những năm 60-61 của lễ hội Hadaka đền Mitsuke”, *Tuyển tập nghiên cứu khoa văn học Đại học Nagoya*, tr. 58 -71 (谷部真吾, 2012年. “祭りの変化と社会状況-見付天神裸祭における1960 - 61 年の変化を事例として”, 名古屋大学文学部研究論集 (哲学), pp. 58-71).
- [3] Watanabe Yoko, 2013. “Kế thừa không gian văn hóa truyền thống trong lễ hội”, *Hợp tác giáo dục Annulus*, Số 9, tr. 120 -131(渡邊洋子, 2013年. “祭り”という文化伝承・継承空間”, 円環する教育のコラボレーション, No 9, pp. 120-131).
- [4] Tamura Kazuki, Han Seong Il, Dai Erbiao, 2015. “Vai trò của lễ hội trong chấn hưng đô thị: Những nỗ lực và kết quả của Kitakyushu”, *Nghiên cứu Kaikyō-ken*, Số 14, pp.153 - 170 (田村一軌, 韓成一, 戴二彪, 2015年. “都市振興における祭りの役割: 北九州の取り組みと課”, 海峡圏研究, No 14, pp. 151 -170)
- [5] Atsuhiko Hirota và Yoshimichi Tsuboi, 2015. “Nghiên cứu về hình ảnh và món ngon của lễ hội”, Bộ sưu tập báo cáo kỹ thuật- Viện kiến trúc Nhật Bản, Quyển số 21, Tập 49, tr.1247-1250 (廣田篤彦, 坪井善道, 2015年. “祭りのイメージと嗜好性にする研究”, 日本建築学会技術報告集,第21 卷, 第 49 号, pp.1247-1250).
- [6] Nishio Misaki, Sugiyama Takahiro, 2016. “Nghiên cứu các phương pháp ghi chép để lưu trữ sự biến đổi: thông tin cần thiết cho bảo tồn và kế thừa “lễ hội”- tài sản văn hóa dân gian phi vật thể”, *Hội nghị toàn quốc lần thứ 78 của Hiệp hội xử lý thông tin Nhật Bản*, tr. 4.679 - 4.771 (西尾美沙季, 杉山岳弘, 2016年. “無形民俗文化財「祭り」の保存と継承に必要な情報とその変遷をアーカイブ化するための記述方法の検討”, 情報処理学会第78回全国大会).
- [7] Kurada Kenta và Inada Michihiko, 2016. “Khảo sát tế lễ ở đền hiện nay qua chính lý nghiên cứu lễ hội ở Nhật Bản: Trường hợp thị trấn Utazu, huyện Ayauta, tỉnh Kagawa”, *Nghiên cứu kinh tế Đại học Kagawa*, Quyển số 89, Tập 1, tr. 229-256 (倉田 健太・稲田道彦, 2016年. “日本における祭り研究の整理を通じた現代の神社祭礼の考察:香川県綾歌郡宇多津町の事例, 香川大学経済論叢,卷 89号1, pp. 229-256).
- [8] Hồ Hoàng Hoa, 1992. “Lễ hội cổ truyền của Nhật Bản”. *Nghiên cứu văn hóa nghệ thuật*, Số 104, tr. 51-52.
- [9] Trần Mạnh Cát, 1997. “Vài nét về lễ hội ở Nhật Bản”. *Nghiên cứu Nhật Bản*, Số 1, tr. 40-43.
- [10] Hồng Lê Thọ, 2002. “Tìm hiểu văn hóa lễ hội của người Nhật Bản một hình thái độc đáo để giữ gìn bản sắc và truyền thống”, trong Trung tâm nghiên cứu Quốc học (2002), *Bản sắc dân tộc trong văn hóa văn nghệ*, Nxb Văn học tr. 218-226.
- [11] Ngô Hương Lan, Nguyễn Thị Thu Phương và Phùng Diệu Anh, 2017. “Về tính cộng đồng trong lễ hội truyền thống ở Nhật Bản và Việt Nam (trường hợp lễ hội Gion và lễ hội Hoa Lư)”, *Nghiên cứu Đông Bắc Á*, Số 5, tr.61-73).

- [12] Ngô Hương Lan, 2019. “Bảo tồn lễ hội truyền thống ở Nhật Bản trường hợp lễ hội Gion và Onashira”, *Nghiên cứu Đông Bắc Á*, Số 12, tr. 50 -58.
- [13] Shuhei Aoki và cộng sự, 1997年. *Từ điển thần thoại Nhật Bản*, Nxb Daiwa Shobo, Tokyo, mục 26 được diễn giải bởi Takashi Sasaki)(青木周平ほか編, 1997年. *日本神話事典*, 大和書房, 東京, 26頁).
- [14] Kitagawa, J.M, 1987. *On understanding Japanese religion*, Princeton University Press, Princeton.
- [15] Matsudaira, N, 1997. Bản chất lễ hội và cách khía cạnh trong vũ trụ quan của người cổ đại, Nxb Asahishinbunsha, Tokyo)(松平齊光, 1977. 祭-本質と諸相: 古代人の宇宙, 朝日新聞社, 東京)
- [16] Yanagawa, K.1988. “The sensation of matsuri” In: K. Ueda, N. Inoue and N. Havens (eds.), *Matsuri: Festival and rite in Japanese life*, Kokugakuin University, Tokyo, pp. 3-32.
- [17] Anami Toru, 1997. “Biến đổi trong lễ hội truyền thống và sự sáng tạo của lễ hội mới”, trong Komatsu Kazuhiko,1997. *Lễ hội và sự kiện*, Nxb Shogakkan, Tokyo, pp. 67-110 (阿南透, 1997年. “伝統的祭りの変貌と新たな祭りの創造”, In 小松和彦 (ed.), *祭りといベント*, Tokyo, 小学館, pp. 67-110).
- [18] Inoue Nobutaka (Preface) (1988), *Matsuri: Festival and Rite in Japanese Life: Contemporary Papers on Japanese Religion*, Norman Havens (Translator), Institute for Japanese Culture and Classics, Kokugakuin University, Tokyo.
- [19] Toshikazu Shino, 2001. *Đọc hiểu về lễ hội Nhật Bản (thư viện lịch sử văn hóa)*, Nhà sách Yoshikawakōbun, Tokyo (真野俊和, 2001年. *日本の祭りを読み解く (歴史文化ライブラリー*, 吉川弘文館, 東京).
- [20] Yujie Shen, 2020. *Traditional Festival as a Tourism Event: Stakeholders' Influence on the Dynamics of the Sendai Tanabata Festival in Japan*, Master's Thesis in Modern Japan, Department of Culture Studies and Oriental Languages (IKOS) University of Oslo.
- [21] Matsudaira Matoko, 2001. *Văn hóa lễ hội: Hình thức của sinh hoạt văn hóa tạo nên đô thị*, Nxb Yuhikaku, Tokyo (松平誠, 2001年. 祭の文化: 都市がつくる生活文化のかたち, 有斐閣, 東京).
- [22] Hoshino Hiroshi, Hideo Haga, *Hiệp hội biểu diễn nghệ thuật dân gian Nhật Bản*, 2006. *Từ điển văn hóa lễ hội Nhật Bản*, Nxb Tokyoshoseki, Tokyo, pp. 891-895(星野紘・芳賀日出男・社団法人全日本郷土芸能協会, 2006年. *日本の祭文化事典*, 東京書籍, 東京, pp. 891-895).
- [23] Oosumi Kazushi, 2014. “Lễ hội Nhật Bản điều để lại cho tương lai” (大隅一志, 2014年. “未来に残したい”日本の祭り”, コラムVol.220, 15/8/2014) tại địa chỉ trang web <https://www.jtb.or.jp/researchers/column/column-japanese-festival-oosumi/>
- [24] <https://www.mlit.go.jp/common/001218567.pdf>.
- [25] Sekizawa Mayumi và Bảo tàng lịch sử dân tộc quốc gia, 2015年. *Chế độ tang lễ và lễ hội Obon*, Nhà sách Yoshikawakōbun, Tokyo, tr. 16-17 (関沢真由美・国立歴史民俗博物館編, 2015年. *盆行事と墓送墓制*, 吉川弘文館, 東京, pp. 16 -17).
- [26] Lưu Thị Thu Thủy, 2017. “Vấn đề thờ cúng tổ tiên của người Nhật hiện nay”, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, số 1, tr. 35-41.

- [27] Daikumote” trên địa chỉ trang web của Unesco trên địa chỉ trang web <http://www.unesco.org/culture/ich/RL/00276>
- [28] “Dainichdo Bungaku” trên địa chỉ trang web của Unesco <http://www.unesco.org/culture/ich/RL/00275>
- [29] Nachi no Dengaku, a religious performing art held at the Nachi fire festival”, 2012. Trên địa chỉ trang web của Unesco <http://www.unesco.org/culture/ich/RL/00413>
- [30] Ngô Hương Lan, 2018. Vai trò của vốn xã hội trong bảo tồn văn hóa truyền thống ở Nhật Bản và Hàn Quốc, kinh nghiệm đối với Việt Nam, Đề tài cấp Bộ thực thi tại Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
- [31] https://www.bunka.go.jp/seisaku/bunkazai/hokoku/chiikiokoshi_gaiyo.html

ABSTRACT

Conservation and development of Japanese traditional festival

Nguyen Thi Chau

School of Foreign Languages, Hanoi University of Science and Technology

Preserving traditional culture and preserving the intangible cultural assets of humanity is a matter of concern to almost every country in the world. Japan is one of the countries that, despite having a developed economy, still preserves almost intact many traditional cultural values of the nation, including festivals. The article explores the current status of festival conservation in Japan by analyzing a number of examples such as Obon, Gion, Daimokute, fire festivals, etc., at the same time, points out the remaining problems in conservation festivals such as: the impact of economic development towards for the change of festivals, the problem of lack of successors, funding for conservation and organization of the festival. In addition, the author also points out the policies that Japan has applied to preserve traditional festivals such as: promulgating relevant policies, providing budget and financial support, providing conservation methods, promoting advertising, promoting the festival, etc..., then propose some suggestions for Vietnam in this field.

Keywords: traditional festivals, conservation policy, Gion Festival, Ritual.